TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP - KHÓA 2021

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH92101044	Lương Tuyết	Băng	D21_TK01																									8.32	8.32	22/22	8/8					DH21
2	DH92105543	Nguyễn Minh	Chí	D21_TK01																									8.05	8.05	20/22	7/8					DH21
3	DH92104352	Nguyễn Quốc	Chương	D21_TK01																									7.27	7.27	22/22	8/8					DH21
4	DH92106012	Hoàng Văn	Cường	D21_TK01																									7.09	7.09	20/22	7/8					DH21
5	DH92100769	Trương Khánh	Duy	D21_TK01																									8.00	8.00	22/22	8/8					DH21
6	DH92101460	Đỗ Văn Tiến	Đạt	D21_TK01																									5.91	5.91	15/22	5/8					DH21
7	DH92103068	Võ Thành	Đạt	D21_TK01																									7.77	7.77	22/22	8/8					DH21
8	DH92101365	Trần Quốc	Hội	D21_TK01																									8.18	8.18	22/22	8/8					DH21
9	DH92100362	Phạm Nguyễn Gia	Huy	D21_TK01																									7.59	7.59	22/22	8/8					DH21
10	DH92107598	Phạm Thanh	Huy	D21_TK01																									7.64	7.64	22/22	8/8					DH21
11	DH92100627	Trần Duy Nhật	Huy	D21_TK01																									7.50	7.50	22/22	8/8					DH21
12	DH92102624	Trương Minh	Huy	D21_TK01																									7.59	7.59	22/22	8/8					DH21
13	DH92106447	Trương Quốc	Huy	D21_TK01																									6.64	6.64	22/22	8/8					DH21
14	DH92100016	Từ Dân	Huy	D21_TK01																									7.86	7.86	20/22	7/8					DH21
15	DH92102096	Trần Ngọc Hoàng	Kim	D21_TK01																									7.86	7.86	22/22	8/8					DH21
16	DH92107679	Phạm Thị Phước	Loan	D21_TK01																									8.36	8.36	22/22	8/8					DH21
17	DH92104434	Phạm Đức	Mạnh	D21_TK01																									7.68	7.68	22/22	8/8					DH21
18	DH92103139	Lê Thị Bảo	Minh	D21_TK01																									6.41	6.41	22/22	8/8					DH21
19	DH92104814	Trần Quang	Minh	D21_TK01																									7.32	7.32	22/22	8/8					DH21
20	DH92104287	Lê Hữu	Nam	D21_TK01																									7.32	7.32	22/22	8/8					DH21
21	DH92105695	Nguyễn Đông	Nam	D21_TK01																									7.00	7.00	22/22	8/8					DH21
22	DH92106074	Nguyễn Ngọc	Nga	D21_TK01																									8.59	8.59	22/22	8/8					DH21
23	DH92106091	Đào Trọng	Nghĩa	D21_TK01																									6.68	6.68	18/22	6/8					DH21
24	DH92101618	Trần Thị Cẩm	Nguyên	D21_TK01																									8.32	8.32	22/22	8/8					DH21
25	DH92100119	Bùi Trịnh Minh	Nhật	D21_TK01																									8.36	8.36	22/22	8/8					DH21
26	DH92100522	Trịnh Huỳnh	Nhi	D21_TK01																									7.27	7.27	22/22	8/8					DH21
27	DH92100277	Lâm Bội	Như	D21_TK01																									7.77	7.77	22/22	8/8					DH21
28	DH92105075	Nguyễn Trần Khánh	Quân	D21_TK01																									7.59	7.59	22/22	8/8					DH21
29	DH92106043	Huỳnh Ngọc	Ren	D21_TK01																									7.18	7.18	20/22	7/8					DH21
30	DH92106701	Diệp Vinh	Sâm	D21_TK01																									6.64	6.64	20/22	7/8					DH21
31	DH92106133	Phan Duy	Tân	D21_TK01																									7.55	7.55	22/22	8/8					DH21
32	DH92101778	Nguyễn Đức	Thái	D21_TK01																									7.64	7.64	22/22	8/8					DH21
33	DH92100355	Nguyễn Công	Thành	D21_TK01																									7.82	7.82	22/22	8/8					DH21
34	DH92100804	Nguyễn Hưng	Thịnh	D21_TK01																									7.91	7.91	22/22	8/8					DH21
35	DH92107682	Triệu Hồng	Thơm	D21_TK01																									7.50	7.50	22/22	8/8					DH21
36	DH92101419	Nguyễn Văn	Thuận	D21_TK01																									7.73	7.73	22/22	8/8					DH21
37	DH92101747	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	D21_TK01																									7.36	7.36	22/22	8/8					DH21
38	DH92103802	Trần Quốc	Toản	D21_TK01																									7.50	7.50	22/22	8/8					DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP - KHÓA 2021

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
39	DH92103114	Bùi Nguyễn Thùy	Trang	D21_TK01																									7.68	7.68	22/22	8/8					DH21
40	DH92102764	Đặng Ngọc Bảo	Trân	D21_TK01																									7.68	7.68	22/22	8/8					DH21
41	DH92104450	Lữ Ngọc	Trân	D21_TK01																									7.55	7.55	22/22	8/8					DH21
42	DH92107917	Phạm Thị Thanh	Trúc	D21_TK01																									7.59	7.59	22/22	8/8					DH21
43	DH92104089	Lê Trần Xuân	Trường	D21_TK01																									6.91	6.91	22/22	8/8					DH21
44	DH92104284	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	D21_TK01																									7.27	7.27	20/22	7/8					DH21
45	DH92103109	Trần Ngọc Khả	Tú	D21_TK01																									7.86	7.86	22/22	8/8					DH21
46	DH92101576	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D21_TK01																									7.45	7.45	22/22	8/8					DH21
47	DH92100504	Đỗ Thanh	Vy	D21_TK01																									7.77	7.77	22/22	8/8					DH21
48	DH92100458	Lê Nguyễn Thảo	Vy	D21_TK01																									7.91	7.91	22/22	8/8					DH21
49	DH92107786	Phạm Kim	Xuân	D21_TK01																									7.95	7.95	22/22	8/8					DH21
50	DH92106536	Lê Kim	Yến	D21_TK01																									7.91	7.91	22/22	8/8					DH21
51	DH92109283	Nguyễn Lê Phương	Anh	D21_TK02																									8.36	8.36	22/22	8/8					DH21
52	DH92109284	Nguyễn Phụng	Anh	D21_TK02																									8.55	8.55	22/22	8/8					DH21
53	DH92107821	Võ Văn Tuấn	Anh	D21_TK02																									7.45	7.45	22/22	8/8					DH21
54	DH92109113	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D21_TK02																									7.68	7.68	22/22	8/8					DH21
55	DH92109293	Nguyễn Minh	Bảo	D21_TK02																									6.95	6.95	22/22	8/8					DH21
56	DH92109298	Võ Nguyễn Hải	Bình	D21_TK02																									7.05	7.05	22/22	8/8					DH21
57	DH92109184	Cao Thị Minh	Châu	D21_TK02																									7.55	7.55	22/22	8/8					DH21
58	DH92104140	Bùi Hoàng Mỹ Linh	Chi	D21_TK02																									8.05	8.05	22/22	8/8					DH21
59	DH92101471	Chen Yi	Chin	D21_TK02																									6.59	6.59	22/22	8/8					DH21
60	DH92101240	Hồng Huỳnh Phương	Dung	D21_TK02																									6.73	6.73	22/22	8/8					DH21
61	DH92104191	Nguyễn Thành	Đạt	D21_TK02																									7.14	7.14	22/22	8/8					DH21
62	DH92108622	Lê Ngọc	Hà	D21_TK02																									8.00	8.00	22/22	8/8					DH21
63	DH92103278	Phương Đỗ Nguyệt	Hằng	D21_TK02																									8.41	8.41	22/22	8/8					DH21
64	DH92105656	Nguyễn Phúc Duy	Hân	D21_TK02																									6.68	6.68	18/22	6/8					DH21
65	DH92109350	Phan Trọng	Hiếu	D21_TK02																									6.64	6.64	22/22	8/8					DH21
66	DH92112745	Nguyễn Công	Huân	D21_TK02																									8.05	8.05	22/22	8/8					DH21
67	DH92109377	Phan Hoàng	Khang	D21_TK02																									7.64	7.64	22/22	8/8					DH21
68	DH92109378	Đỗ Quốc	Khánh	D21_TK02																									7.41	7.41	22/22	8/8					DH21
69	DH92109386	Đặng Tuấn	Kiệt	D21_TK02																									2.68	2.68	2/22	1/8					DH21
70	DH92109393	Nguyễn Đình Hải	Linh	D21_TK02																									6.95	6.95	20/22	7/8					DH21
71	DH92108469	Nguyễn Phương	Linh	D21_TK02																									7.36	7.36	22/22	8/8					DH21
72	DH92109130	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D21_TK02																									7.64	7.64	22/22	8/8					DH21
73	DH92109394	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_TK02																									7.91	7.91	22/22	8/8					DH21
74	DH92109395	Nguyễn Thị Yến	Linh	D21_TK02																									8.09	8.09	22/22	8/8					DH21
75	DH92107244	Cao Hoàng	Minh	D21_TK02																									7.82	7.82	22/22	8/8					DH21
76	DH92004053	Nguyễn Trung	Nghĩa	D21_TK02																						4.29	2.91		7.31	4.83	24/22	11/8					DH20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP - KHÓA 2021

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
77	DH92109427	Phạm Châu	Ngọc	D21_TK02																									7.50	7.50	22/22	8/8					DH21
78	DH92109070	Nguyễn Lê Ngọc	Nhi	D21_TK02																									6.68	6.68	22/22	8/8					DH21
79	DH92108830	Nguyễn Thiện	Nhiên	D21_TK02																									8.00	8.00	22/22	8/8				TDUNG	DH21
80	DH92109449	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	D21_TK02																									8.68	8.68	22/22	8/8					DH21
81	DH92108688	Nguyễn Tuấn	Phát	D21_TK02																									8.27	8.27	22/22	8/8					DH21
82	DH92109457	Võ Quang	Phúc	D21_TK02																									7.36	7.36	22/22	8/8					DH21
83	DH92109463	Lâm Thị Chúc	Phương	D21_TK02																									8.09	8.09	22/22	8/8					DH21
84	DH92101603	Lê Minh	Quân	D21_TK02																									8.09	8.09	22/22	8/8					DH21
85	DH92100809	Cao Thoại	Quỳnh	D21_TK02																									7.05	7.05	22/22	8/8					DH21
86	DH92108615	Lê Thanh	Tài	D21_TK02																									7.14	7.14	22/22	8/8					DH21
87	DH92109487	Ngô Công	Thành	D21_TK02																									6.91	6.91	22/22	8/8					DH21
88	DH92105697	Nguyễn Phú	Thăng	D21_TK02																									6.95	6.95	22/22	8/8					DH21
89	DH92109495	Phạm Đông	Thi	D21_TK02																									8.55	8.55	22/22	8/8					DH21
90	DH92108963	Lê Võ Anh	Thư	D21_TK02																									7.23	7.23	22/22	8/8					DH21
91	DH92109511	Nguyễn Phương	Thư	D21_TK02																									8.14	8.14	22/22	8/8					DH21
92	DH92108741	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_TK02																									8.00	8.00	22/22	8/8					DH21
93	DH92108558	Nguy Thành	Trung	D21_TK02																									7.14	7.14	22/22	8/8					DH21
94	DH92109541	Nguyễn Ngọc Tú	Tú	D21_TK02																									7.64	7.64	22/22	8/8					DH21
95	DH92109546	Lưu Thái Quốc	Tuấn	D21_TK02																									7.55	7.55	22/22	8/8					DH21
96	DH92100936	Nguyễn Quốc	Tuấn	D21_TK02																									6.59	6.59	20/22	7/8					DH21
97	DH92108857	Nguyễn Anh	Ty	D21_TK02																									6.36	6.36	20/22	7/8					DH21
98	DH92100645	Bùi Thanh	Vân	D21_TK02																									7.50	7.50	22/22	8/8					DH21
99	DH92109565	Nguyễn Phúc Quang	Vinh	D21_TK02																									2.00	2.00	2/22	1/8					DH21
100	DH92109278	Hồ Nhựt	An	D21_TK03																									6.50	6.50	22/22	8/8					DH21
101	DH92114053	Hà Lê Tuấn	Anh	D21_TK03																									6.41	6.41	22/22	8/8					DH21
102	DH92114734	Tạ Hồng	Anh	D21_TK03																									7.82	7.82	22/22	8/8					DH21
103	DH92113707	Phạm Tấn	Bình	D21_TK03																									7.05	7.05	22/22	8/8					DH21
104	DH92109299	Đoàn Ngọc	Châu	D21_TK03																									7.95	7.95	22/22	8/8					DH21
105	DH92109300	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	D21_TK03																									7.41	7.41	22/22	8/8					DH21
106	DH92109325	Nguyễn Thành	Đạt	D21_TK03																									5.77	5.77	19/22	7/8					DH21
107	DH92109326	Nguyễn Tuấn	Đạt	D21_TK03																									7.50	7.50	22/22	8/8					DH21
108	DH92110849	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	D21_TK03																									7.82	7.82	22/22	8/8					DH21
109	DH92114558	Huỳnh Trí	Hải	D21_TK03																									6.73	6.73	22/22	8/8			KoDKMH	TDUNG	DH21
110	DH92109340	Bùi Ngọc	Hân	D21_TK03																									7.73	7.73	22/22	8/8					DH21
111	DH92113295	Đặng Gia	Hân	D21_TK03																									8.27	8.27	22/22	8/8					DH21
112	DH92114010	Hàng Gia	Hân	D21_TK03																									8.14	8.14	22/22	8/8					DH21
113	DH92109341	Hồ Ngọc Khánh	Hân	D21_TK03																									7.73	7.73	22/22	8/8				TDUNG	DH21
114	DH92109355	Phan Đức	Huân	D21_TK03																									8.45	8.45	22/22	8/8					DH21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP - KHÓA 2021

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																										TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
115	DH92109356	Bùi Quang	Huy	D21_TK03																									7.32	7.32	22/22	8/8					DH21
116	DH92113984	Huỳnh Gia	Huy	D21_TK03																									8.50	8.50	22/22	8/8					DH21
117	DH92109358	Huỳnh Khắc	Huy	D21_TK03																									7.32	7.32	22/22	8/8					DH21
118	DH92109369	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D21_TK03																									6.91	6.91	22/22	8/8					DH21
119	DH92109375	Lê Vĩ	Khang	D21_TK03																									7.32	7.32	22/22	8/8					DH21
120	DH92114521	Thạch Bảo	Khang	D21_TK03																									8.09	8.09	22/22	8/8					DH21
121	DH92113350	Nguyễn Anh	Khôi	D21_TK03																									7.23	7.23	22/22	8/8					DH21
122	DH92109383	Nguyễn Minh	Khôi	D21_TK03																									5.73	5.73	19/22	7/8					DH21
123	DH92109391	Phạm Thị Kim	Liên	D21_TK03																									7.32	7.32	22/22	8/8					DH21
124	DH92109397	Phạm Nhựt	Linh	D21_TK03																									7.41	7.41	22/22	8/8				TDUNG	DH21
125	DH92109410	Nguyễn Quốc	Minh	D21_TK03																									7.00	7.00	20/22	7/8					DH21
126	DH92109416	Nguyễn Xuân	Nam	D21_TK03																									7.27	7.27	22/22	8/8					DH21
127	DH92109418	Lê Vũ Thiên	Nga	D21_TK03																									6.77	6.77	22/22	8/8					DH21
128	DH92114165	Tạ Nguyễn Ngọc	Ngân	D21_TK03																									7.27	7.27	22/22	8/8					DH21
129	DH92109425	Nguyễn Phương	Nghi	D21_TK03																									7.09	7.09	22/22	8/8					DH21
130	DH92109430	Phan Phúc	Nguyên	D21_TK03																									5.18	5.18	15/22	6/8					DH21
131	DH92120093	Bùi Trọng	Phi	D21_TK03																									6.05	6.05	20/22	7/8					DH21
132	DH92109459	Đỗ Tiến	Phước	D21_TK03																									6.55	6.55	22/22	8/8					DH21
133	DH92109460	Trần Thành	Phước	D21_TK03																									8.09	8.09	22/22	8/8					DH21
134	DH92109461	Bùi Thị Bích	Phương	D21_TK03																									6.91	6.91	22/22	8/8					DH21
135	DH92101864	Nguyễn Thu	Phượng	D21_TK03																									7.73	7.73	22/22	8/8					DH21
136	DH92109205	Nguyễn Trần	Quang	D21_TK03																									7.18	7.18	22/22	8/8					DH21
137	DH92109469	Nguyễn Thế Anh	Quân	D21_TK03																									7.77	7.77	22/22	8/8					DH21
138	DH92114339	Nguyễn Trúc Như	Quỳnh	D21_TK03																									7.59	7.59	22/22	8/8					DH21
139	DH92114335	Nguyễn Thành	Sơn	D21_TK03																									6.95	6.95	22/22	8/8					DH21
140	DH92114709	Nguyễn Hữu	Tài	D21_TK03																									8.14	8.14	22/22	8/8					DH21
141	DH92111698	Phạm Văn Tấn	Tài	D21_TK03																									7.18	7.18	22/22	8/8					DH21
142	DH92113510	Lê Thị Thúy	Thanh	D21_TK03																									8.05	8.05	22/22	8/8					DH21
143	DH92114111	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	D21_TK03																									7.27	7.27	22/22	8/8					DH21
144	DH92109486	Lưu Huỳnh Minh	Thành	D21_TK03																									7.27	7.27	22/22	8/8					DH21
145	DH92114047	Trần Hải	Thành	D21_TK03																									7.09	7.09	22/22	8/8					DH21
146	DH92109492	Phạm Thanh	Thắng	D21_TK03																									8.32	8.32	22/22	8/8					DH21
147	DH92109493	Trần Phạm Minh	Thắng	D21_TK03																									9.05	9.05	22/22	8/8					DH21
148	DH92109494	Trịnh Quốc	Thắng	D21_TK03																									6.36	6.36	16/22	6/8					DH21
149	DH92109497	Đoàn Minh	Thiên	D21_TK03																									7.86	7.86	22/22	8/8					DH21
150	DH92109516	Nguyễn Ngọc	Thy	D21_TK03																									8.27	8.27	22/22	8/8		NoHP		DC	DH21
151	DH92109518	Trương Huỳnh Minh	Tiến	D21_TK03																									8.23	8.23	22/22	8/8					DH21
152	DH92006223	Tô Võ Hoàng	Triều	D21_TK03																						3.00	0.00		4.85	2.67	18/22	7/8					DH20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP - KHÓA 2021

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
153	DH92109535	Vũ Văn	Trụ	D21_TK03																									7.45	7.45	22/22	8/8					DH21
154	DH92109537	Trần Thị Thanh	Trúc	D21_TK03																									8.77	8.77	22/22	8/8				NGHIHOC	DH21
155	DH92114657	Võ Phan	Trường	D21_TK03																									7.77	7.77	22/22	8/8					DH21
156	DH92109548	Phạm Anh	Tuấn	D21_TK03																									7.41	7.41	22/22	8/8					DH21
157	DH92109549	Trần Anh	Tuấn	D21_TK03																									8.23	8.23	22/22	8/8					DH21
158	DH92109550	Lê Phan Nhật	Tuệ	D21_TK03																									8.82	8.82	22/22	8/8					DH21
159	DH92109552	Võ Văn	Túy	D21_TK03																									7.68	7.68	22/22	8/8					DH21
160	DH92107124	Ngô Thanh Ngọc Phương	Uyên	D21_TK03																									7.55	7.55	22/22	8/8					DH21
161	DH92109561	Nguyễn Thị Anh	Vân	D21_TK03																									7.86	7.86	22/22	8/8					DH21
162	DH92109564	Nguyễn Phạm Công	Vinh	D21_TK03																									8.00	8.00	22/22	8/8					DH21
163	DH92109576	Đỗ Thanh Bình	Yên	D21_TK03																									8.73	8.73	22/22	8/8					DH21
164	DH92114712	Phạm Mai Hoàng	Yến	D21_TK03																									8.64	8.64	22/22	8/8					DH21

Lưu ý: **Điểm trung bình được tính đến ngày 28/03/2022 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C25): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
131 năm học 2013 - 2014 học kỳ 1
132 năm học 2013 - 2014 học kỳ 2
133 năm học 2013 - 2014 học kỳ hè
141 năm học 2014 - 2015 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[12] DAT: Đạt

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	**(Đã ký)**	**(Đã ký)**
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**